

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HS-ST

Ngày: 24-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Trung Hậu
Ông Đặng Công Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân Tp Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

TRƯƠNG VĂN T (C), sinh ngày 30/5/1994 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: K1xx/1x đường N, phường G, quận T, thành phố Đà Nẵng; Số CMND: 2017049xx; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lái xe Công ty TNHH N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trương Văn T (s) và bà Phan Thị T (s); Có vợ là Huỳnh Thục N và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/01/2018. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn T: Ông Trần Xuân Vinh – Luật sư VPLS Hòa Phát thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn V 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH N. Địa chỉ: Số 5xx đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Hàng Trần Minh C, sinh năm 1973. Trú tại: Số 1xx đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn trình bày vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Mai Hồ N, sinh năm 1987. Trú tại: Số 9x đường L, phường G, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1971. Trú tại: Số 3xx đường T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Lê Nhật Q, sinh năm 1990. Trú tại: Tổ 1xx, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Trần Đức T, sinh năm 1993. Trú tại: Tổ 3x, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hải L, sinh năm 1986. Trú tại: Số 4x đường L, phường Thọ Q, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h00' ngày 25/01/2018, Trương Văn T được chị Nguyễn Thị H (*Kế toán trưởng Công ty TNHH N*) phân công chở chị Nguyễn Thị P – là nhân viên kế toán Công ty TNHH N đến Ngân hàng P (*số x đường T, thành phố Đà Nẵng*) rút số tiền 200.000.000 đồng để nộp vào tài khoản Giám đốc Công ty. T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota BKS 43S-57xx (*xe của anh Hàng Trần Minh C – Giám đốc Công ty TNHH N*) để chở chị P đi rút tiền.

Do nợ tiền nhiều người, T nảy sinh ý định cướp tài sản để trả nợ nên trong lúc chị P vào Ngân hàng để làm thủ tục rút tiền, T đến cửa hàng vật liệu xây dựng trên đường Đ (*không rõ địa chỉ*) mua 1 cuộn băng keo màu vàng rồi quay về Ngân hàng đón chị P. Trên đường đi, chị P yêu cầu T chở đến Chi nhánh Ngân hàng S gần nhất để nộp vào tài khoản anh C. T điều khiển xe đến khu vực gần bùng binh đường 3/2 – Nguyễn Tất Thành thì dừng xe. Tại đây, T lấy ra 01 con dao (*có sẵn trong xe*) dài khoảng 20cm, có vỏ bằng nhựa màu vàng, cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi dài khoảng 10cm bằng kim loại có mũi nhọn đưa ra trước mặt chị P đe dọa yêu cầu ngồi yên, không được la lên đồng thời dùng băng keo dán bịt miệng và dán trói hai tay chị P lại. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe đến khu vực ngã ba đường Nguyễn An Ninh – Nguyễn Tất Thành thì dừng xe, dùng băng keo buộc trói chân chị P lại rồi lấy số tiền 200.000.000 đồng, đóng cửa xe nhốt chị P bên trong rồi bỏ đi.

Sau khi cướp được tiền, T thuê taxi mang trả nợ hết 144.000.000 đồng, gồm: Trả nợ cho anh Mai Hồ N 55.000.000 đồng; đến tiệm cầm đồ T trả cho chị Đoàn Thị H 58.000.000 đồng để trả tiền chuộc lại xe máy, dây chuyền, điện thoại T cầm cố; trả nợ anh Lê Nhật Q 7.000.000 đồng; trả nợ anh Phạm Trần Đức T 14.000.000 đồng; trả nợ anh Nguyễn Hải L 10.000.000 đồng. Sau khi Cơ quan điều tra triệu tập đến làm việc, những cá nhân này đã nộp lại toàn bộ số tiền nêu trên.

Đến khoảng 18h00' ngày 25/01/2018, Trương Văn T đến phòng Cảnh sát hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng đầu thú, khai nhận nội dung sự việc và giao nộp số tiền còn lại là 56.000.000 đồng.

Chị P bị nhốt trong xe, sau khi thấy T bỏ đi thì đập vào cửa kêu cứu và được người dân phát hiện giải cứu và đến trình báo Cơ quan Công an.

Tang vật thu giữ:

- 01 (một) con dao dài 20cm, có cán và vỏ dao màu vàng.
- 01 (một) cuộn băng keo màu vàng và dải băng keo.
- 01 (một) ĐTDĐ hiệu Samsung màu vàng; 01 ví màu hồng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; số tiền 1.510.000đ (đã trả lại chị Nguyễn Thị P theo Quyết định xử lý vật chứng số 11/PC45 ngày 30/01/2018 của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Đà Nẵng).
- 01 xe ô tô hiệu Toyota BKS 43S-57xx và số tiền 200.000.000đ (đã trả lại cho ông Hàng Trần Minh C theo Quyết định xử lý vật chứng số 11/PC45 ngày 30/01/2018 của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Đà Nẵng).

Bản cáo trạng số 08/2018/VKS-CT-P3 ngày 19/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trương Văn T về tội “Cướp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trương Văn T về tội “Cướp tài sản” như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; Điểm b, s khoản 1; khoản 2 điều 51; điều 54 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 10 đến 11 năm tù. Về phần xử lý vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trương Văn T cũng đã khai nhận các hành vi phạm tội của mình và thừa nhận tội danh như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố là đúng. Bị cáo chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trương Văn T thống nhất về tội danh như bản Cáo trạng truy tố. Luật sư chỉ đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đã ra đầu thú và giao nộp lại số tiền 56 triệu đồng; Tại phiên tòa người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Toàn bộ tài sản đã được thu hồi, trả lại cho người bị hại. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, còn phải nuôi con còn nhỏ dại. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 điều 51; điều 54 Bộ luật hình sự 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo Trương Văn T tại phiên tòa, quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, luận cứ bào chữa của Luật sư và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 14h00' ngày 25/01/2018, Trương Văn T là lái xe của Công ty TNHH N, được giao nhiệm vụ chở chị Nguyễn Thị P đến Ngân hàng P rút số tiền 200.000.000đ và chở đến Ngân hàng S để nộp vào tài khoản của Giám đốc. T nảy sinh ý định cướp số tiền trên nên ra quán mua 01 cuộn băng keo màu vàng và chở chị P đến khu vực ngã ba, đường Nguyễn An Ninh – Nguyễn Tất Thành. T dừng xe, dùng dao khống chế chị P, dùng băng keo bịt miệng, quán trói tay, chân chị P, cướp số tiền 200.000.000đ và khóa cửa xe ô tô, thuê xe taxi mang tiền đi trả nợ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 168 Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng số 08/2018/VKS-CT-P3 ngày 19/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, do thiếu tiền trả nợ, bị cáo đã dùng vũ lực và dao sắc nhọn, khống chế, đe dọa người bị hại. Dùng băng keo bịt miệng và quán chặt tay chân chị P, làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được, để cướp số tiền 200 triệu đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe và tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần xử phạt thỏa đáng, phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4]. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên đã giao

nộp số tiền còn lại là 56 triệu đồng; Hiện nay toàn bộ tài sản đã được thu hồi, trả lại đầy đủ cho người bị hại. Tại phiên tòa người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, còn phải nuôi con còn nhỏ dại. Nên HĐXX sẽ áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 để giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

[5]. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Hồ c, bà Đoàn Thị H, ông Lê Nhật Q, ông Nguyễn Hải L và ông Phạm Trần Đức T đã nhận tiền trả nợ của bị cáo Trương Văn T nhưng đều không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập xử lý là có cơ sở. Số tiền này cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Về số tiền vay mượn, cầm cố tài sản giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nói trên là quan hệ dân sự, có thể khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có đơn yêu cầu.

[6] **Về xử lý vật chứng:** Đối với: 01 (một) con dao dài 20cm, có cán và vỏ dao màu vàng và 01 (một) cuộn băng keo màu vàng và dải băng keo. Xét thấy, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu để tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo Trương Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: Điểm a Khoản 3 Điều 168; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo **Trương Văn T** phạm tội “**Cướp tài sản**”.

Xử phạt: **Trương Văn T 10 (Mười)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/01/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

Tuyên: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao dài 20cm, có cán và vỏ dao màu vàng và 01 (một) cuộn băng keo màu vàng và dải băng keo.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện Cục Thi hành án TP. Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/3/2018).

3. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo Trương Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

4. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN;
- PC 45 - CQCSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an Tp Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Đức Kỳ

